

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày 26 – 4 – 2018
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Nay H’ Chim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yển - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đình L, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 16, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Anh L vắng mặt không có lý do, chị T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và vợ chồng ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T có mối quan hệ quen biết, ông L và bà T có vay tiền của bà lần lượt như sau: Ngày 20/3/2015, ông Phạm Đình L và bà Nguyễn Thị T có vay của bà số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lãi thỏa thuận là 3%/tháng, hẹn trả đủ gốc và lãi vào tháng 12/2016.

Đến ngày 03/02/2016, ông Phạm Đình L và bà Nguyễn Thị T vay của bà số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), lãi thỏa thuận 3%/tháng, hẹn vào cuối năm tháng 12/2016 trả đủ gốc và lãi. Từ khi vay nợ đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu ông L và bà T trả nợ nhưng ông bà chây ì, né tránh mà không trả nợ gốc và lãi như thỏa thuận.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê giải quyết buộc ông Phạm Đình L và bà Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 1,65%/tháng kể từ ngày ông L và bà T vay tiền của bà đến ngày 31/01/2018 là: $(40.000.000đ \times 1,65\%/tháng \times 34 \text{ tháng}) + (60.000.000đ \times 1,65\%/tháng \times 23 \text{ tháng}) = 45.210.000 \text{ đồng}$.

Tại bản tự khai đề ngày 22/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Đình L và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông bà công nhận có quen biết bà Nguyễn Thị Thanh T, có vay tiền của bà T cụ thể như sau: ngày 20/3/2015, ông bà có vay của bà T số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lãi thỏa thuận là 3%/tháng, hẹn trả đủ gốc và lãi vào tháng 12/2016. Đến ngày 03/02/2016, ông bà vay của bà T số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), lãi thỏa thuận 3%/tháng, hẹn vào cuối năm tháng 12/2016 trả đủ gốc và lãi. Ông bà công nhận hiện nay còn nợ bà T tiền gốc 100.000.000đ và đồng ý tính mức lãi suất theo yêu cầu của bà T là 1.65%/tháng, tiền nợ lãi tính đến ngày 31/01/2018 là 45.210.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông bà không trả nợ cho bà T được, ông bà đề nghị Tòa án và bà T tạo điều kiện cho ông bà trả 20.000.000đ/năm cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 31/01/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện là đúng theo quy định của pháp luật, ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại Thôn 16, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng quy định về thời hiệu nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T với bà ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T cùng ký kết hợp đồng vay tiền với hình thức giấy vay tiền, nhận nợ là có thật. Các bên thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy vay tiền, nhận nợ có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét nội dung tranh chấp giữa các bên.

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại các bản tự khai, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận. Ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi theo thỏa thuận là 3%/tháng và hẹn trả đến cuối năm 2016 sẽ trả đủ nợ gốc và lãi cho bà T. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông bà không trả được nợ gốc và lãi cho bà T như đã cam kết. Nay bà T yêu cầu ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 45.210.000 đồng thì ông L và bà T đều đồng ý.

Mặc dù hai bên đã thống nhất về số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nhưng không thỏa thuận được thời gian và phương thức thanh toán; nguyên đơn là bà T yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số nợ gốc và tiền nợ lãi như trên; còn bị đơn là ông L và bà T chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 20.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ.

Xét về tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi hai bên nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nhưng do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được thời gian phương thức thanh toán. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463; 466 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 45.210.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

[5] Về án phí: Ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Buộc bị đơn là ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 145.210.000 đồng (*một trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm mười nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi là 45.210.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn là ông Phạm Đình L, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 145.210.000 đồng x 5% = 7.260.500 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.630.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001695 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn là anh Phạm Đình L thời hạn kháng cáo được tính từ ngày anh L nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ